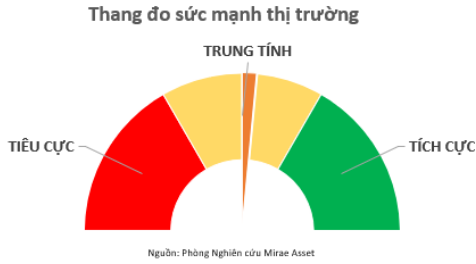


17 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



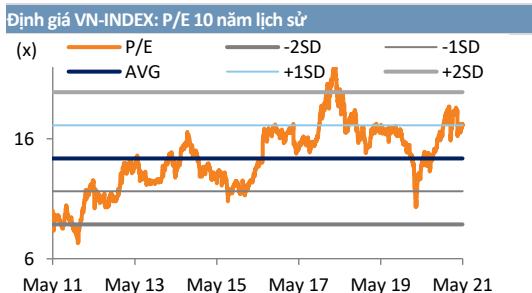
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,258.70	-0.60	1.61	52.20
HNX	296.79	0.70	1.25	172.23
UPCOM	80.42	-0.71	-1.67	51.31
MSCI EM	1,307.53	1.14	-3.05	45.09
NIKKEI	27,824.83	-0.92	-6.26	38.86
HANG SENG	28,194.09	0.59	-2.68	18.48
KOSPI	3,134.52	-0.60	-2.00	62.64
FTSE	7,020.90	-0.32	0.02	21.05
S&P 500	4,173.85	1.49	-0.28	45.75
NASDAQ	13,429.98	2.32	-4.43	48.98

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.11	2.54	15.09
SET INDEX	29.62	1.67	5.91
JCI INDEX	26.24	1.49	4.44
PCOMP INDEX	26.84	1.54	5.97

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.15	0	-1	-93
10 năm	2.36	-1	-3	-60

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,045	-0.02	0.08	1.28
US\$/KRW	1,135	-0.53	-1.54	8.60
US\$/JPY	109	0.05	-1.02	-1.78
US\$/EUR	0.82	0.07	-0.82	-10.06
US\$/GBP	0.71	0.03	-0.76	-13.46
US\$/SGD	1.34	-0.27	-0.42	6.17

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	869	801	408
HNX	127	99	53
UPCOM	40	34	25



Nhận định thị trường

Xoay chiều giảm điểm.

Tiếp nối phiên giao dịch tương đối tích cực cuối tuần trước, VN-Index mở cửa trong tâm lý hứng khởi của nhà đầu tư khi lực mua ở giá cao xuất hiện ngay đầu phiên. Tuy nhiên chỉ sau khoảng một giờ giao dịch, đà tăng đã giảm nhiệt và thị trường chuyển sang xu hướng giằng co, xanh và đỏ luân phiên đan xen. Đến phiên ATC, lực bán được đẩy vào mạnh khiến VN-Index giảm điểm và đóng cửa thấp nhất ngày. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.258 điểm, giảm 7,6 điểm, tương ứng -0,6% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 22.824 tỷ đồng, HNX: 4.324 tỷ đồng, UPCOM: 1.066 tỷ đồng.

Diễn biến đáng chú ý trong ngày hôm nay với nhóm cổ phiếu ngành thép chịu áp lực điều chỉnh, tuy nhiên HSG và HPG vẫn giữ được sắc xanh. Đóng góp tích cực nhất cho VN-Index hôm nay là VHM (+3,7%) sau thông tin kế hoạch lợi nhuận cho năm 2021, bên cạnh đó còn có TPB và NVL. Ở chiều ngược lại, phần nhiều các mã trong VN30 có diễn biến tiêu cực trong phiên hôm nay.

Khối ngoại hôm nay tiếp tục đà bán mạnh với giá trị hơn 1.000 tỷ. VPB, VNM, VIC, HPG là các mã bị bán mạnh nhất

Phiên giao dịch giảm điểm khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện quay về mức 0, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (17/05/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.150

VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, tạo bóng nền tương đối dài. Thanh khoản vẫn được duy trì ở mức cao.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (17/05/2021)	1.367	Kháng cự 1	1.400
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.450
VN30 - đóng cửa	1.371	Hỗ trợ 1	1.300
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4,3	Hỗ trợ 2	1.250

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M có phiên giao dịch tiêu cực và đóng cửa tại vùng giá thấp nhất ngày, các chỉ số intra-day đều chuyển sang tiêu cực.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.3	4,809,105	-7	TIÊU CỰC	3,393	10.9	0.9
ACB	36.55	9,301,460	5	KHẢ QUAN	79,005	9.2	2.1
AMD	7	11,455,565	-4	TIÊU CỰC	1,145	46.6	0.6
ART	10.2	6,225,100	4	KHẢ QUAN	989	37.8	0.9
BID	41.8	3,030,590	4	KHẢ QUAN	168,120	20.4	2.1
BSR	15.3	11,218,380	2	TRUNG TÍNH	47,438	#N/A N/A	1.5
BVH	54.6	924,350	-4	TIÊU CỰC	40,531	21.4	2.0
CEO	9.7	4,029,435	4	KHẢ QUAN	2,496	#N/A N/A	0.9
CII	20.3	2,273,485	2	TRUNG TÍNH	4,848	364.9	1.0
CTG	46.75	18,868,760	4	KHẢ QUAN	174,069	9.8	1.9
CTR	76.8	453,080	-5	TIÊU CỰC	5,513	19.7	5.2
DBC	53.8	1,745,685	-2	TRUNG TÍNH	5,636	3.9	1.2
DCM	17.15	2,664,885	6	KHẢ QUAN	9,079	15.3	1.4
DGC	67	986,265	0	TRUNG TÍNH	11,462	12.2	2.8
DGW	128.8	348,605	4	KHẢ QUAN	5,538	16.8	4.4
DHC	101.7	312,285	4	KHẢ QUAN	5,695	12.1	3.9
DIG	28	3,671,170	6	KHẢ QUAN	9,809	12.8	2.1
DLG	2.98	9,827,635	-4	TIÊU CỰC	892	#N/A N/A	0.4
DXG	23.95	8,153,090	6	KHẢ QUAN	12,413	#N/A N/A	1.9
EIB	26.95	1,263,520	2	TRUNG TÍNH	33,133	37.8	1.9
FIT	10.1	3,266,250	0	TRUNG TÍNH	2,573	37.8	0.8
FLC	12.45	32,059,430	3	TRUNG TÍNH	8,733	6.4	0.9
FPT	85.7	2,404,995	4	KHẢ QUAN	67,627	18.2	4.0
GAS	82.5	863,550	-3	TRUNG TÍNH	157,901	20.9	3.1
GEX	25.1	4,966,715	-7	TIÊU CỰC	12,255	11.9	1.7
GIL	74	411,170	0	TRUNG TÍNH	2,663	6.6	1.9
GMD	37.5	2,733,655	4	KHẢ QUAN	11,302	30.1	1.9
GVR	25.35	3,346,750	2	TRUNG TÍNH	101,400	23.2	2.1
HAG	5.41	9,632,820	2	TRUNG TÍNH	5,017	#N/A N/A	1.1
HAH	27.9	1,388,730	4	KHẢ QUAN	1,322	8.0	1.2
HAI	5.15	7,541,410	0	TRUNG TÍNH	941	132.5	0.5
HBC	15.15	4,688,035	0	TRUNG TÍNH	3,498	39.5	1.0
HCM	34.6	4,704,685	6	KHẢ QUAN	10,554	14.1	2.2
HDB	31.15	6,589,465	6	KHẢ QUAN	49,646	10.1	2.0
HDG	41.1	942,530	2	TRUNG TÍNH	6,341	5.8	1.9
HNG	10.7	10,392,825	-4	TIÊU CỰC	11,862	455.7	1.4
HPG	61.9	28,539,116	-2	TRUNG TÍNH	205,092	11.3	3.1
HPX	34.3	946,550	6	KHẢ QUAN	9,072	84.1	2.8
HQC	3.79	23,520,036	0	TRUNG TÍNH	1,806	253.4	0.4
HSG	37.5	14,539,435	0	TRUNG TÍNH	16,673	7.1	2.1
IDC	33.7	2,058,475	0	TRUNG TÍNH	10,110	32.2	2.7
IJC	27.2	2,216,140	6	KHẢ QUAN	5,905	8.9	1.8
ITA	7.15	15,816,290	-4	TIÊU CỰC	6,709	32.3	0.6
KBC	33.8	5,123,735	-7	TIÊU CỰC	15,878	20.6	1.6
KDC	51	1,174,590	0	TRUNG TÍNH	11,666	38.0	2.0
KDH	36.5	5,324,305	0	TRUNG TÍNH	20,396	17.1	2.4
KLF	5.7	11,810,060	0	TRUNG TÍNH	943	#N/A N/A	0.5
KSB	26.9	1,185,675	-3	TRUNG TÍNH	1,792	7.1	1.1
LCG	12.2	2,539,170	1	TRUNG TÍNH	1,406	3.9	0.8
LDG	7.16	6,698,660	-4	TIÊU CỰC	1,714	155.7	0.6
LPB	22.8	17,620,030	0	TRUNG TÍNH	24,502	10.9	1.6
MBB	32.9	19,684,424	4	KHẢ QUAN	92,079	9.1	1.8

MBS	21.6	1,769,135	7	KHẢ QUAN	4,899	11.9	1.9
MSN	104.2	3,067,315	4	KHẢ QUAN	122,402	81.3	7.6
MWG	141.5	1,184,430	0	TRUNG TÍNH	67,274	15.6	3.9
NKG	30.25	6,227,720	0	TRUNG TÍNH	5,203	9.1	1.5
NLG	36.75	2,567,480	0	TRUNG TÍNH	10,484	9.2	1.6
NVB	17.9	5,708,505	3	TRUNG TÍNH	7,282	671.0	1.7
NVL	137.6	2,586,720	-1	TRUNG TÍNH	148,847	32.9	4.7
PDR	71	3,855,020	-4	TIÊU CỰC	34,171	26.0	6.4
PET	20.3	1,830,055	2	TRUNG TÍNH	1,696	11.0	1.1
PHR	50.6	736,935	2	TRUNG TÍNH	6,856	7.1	2.1
PLX	54	1,733,680	6	KHẢ QUAN	67,166	18.5	2.9
PNJ	94	611,675	-6	TIÊU CỰC	21,372	18.9	3.7
POW	12.15	11,848,955	-2	TRUNG TÍNH	28,454	11.7	1.0
PVD	19.8	5,468,830	2	TRUNG TÍNH	8,338	128.8	0.6
PVS	21	7,877,555	2	TRUNG TÍNH	10,037	15.3	0.8
PVT	16.3	2,537,715	-4	TIÊU CỰC	5,276	7.1	1.1
REE	55.2	642,970	4	KHẢ QUAN	17,060	9.6	1.4
ROS	7.56	38,782,108	3	TRUNG TÍNH	4,291	235.9	0.7
S99	20	1,694,135	-6	TIÊU CỰC	1,049	5.1	1.3
SAB	154.5	202,985	0	TRUNG TÍNH	99,078	20.4	5.0
SBT	19.6	2,891,715	4	KHẢ QUAN	12,096	17.3	1.5
SCR	8.1	4,526,825	-2	TRUNG TÍNH	2,967	16.8	0.6
SHB	29.7	22,456,524	5	KHẢ QUAN	57,189	17.1	2.2
SHI	27.4	1,812,485	7	KHẢ QUAN	2,496	32.8	2.3
SHS	30.2	7,781,100	7	KHẢ QUAN	6,259	6.4	1.7
SMC	39.5	1,056,000	2	TRUNG TÍNH	2,406	4.8	1.4
SSI	35.45	13,435,225	7	KHẢ QUAN	22,896	12.8	2.0
STB	25.95	44,218,556	4	KHẢ QUAN	46,805	17.4	1.6
TCB	47.85	16,611,140	2	TRUNG TÍNH	167,710	11.7	2.1
TCH	22.9	5,303,620	7	KHẢ QUAN	8,575	8.9	1.6
TIG	14.5	2,141,570	-2	TRUNG TÍNH	1,318	15.3	1.3
TLH	18.45	3,245,690	0	TRUNG TÍNH	1,857	24.4	1.2
TNG	20.2	1,458,845	-6	TIÊU CỰC	1,607	10.8	1.3
TPB	32.6	6,198,240	7	KHẢ QUAN	33,632	8.6	1.9
TSC	13.95	5,184,250	2	TRUNG TÍNH	2,060	122.4	1.3
TTF	6.9	6,502,305	-3	TRUNG TÍNH	2,147	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	96.1	2,003,815	-7	TIÊU CỰC	356,052	16.8	3.5
VCI	73	1,837,105	4	KHẢ QUAN	12,155	12.8	2.5
VHM	101.4	5,784,930	-1	TRUNG TÍNH	331,583	12.8	3.6
VIB	61	1,046,385	2	TRUNG TÍNH	67,673	12.9	3.5
VIC	124	2,208,260	-7	TIÊU CỰC	419,421	57.0	5.2
VIX	26.55	8,480,045	-7	TIÊU CỰC	3,391	5.0	1.6
VJC	114	555,000	-7	TIÊU CỰC	61,744	50.5	4.1
VND	40.8	5,658,735	2	TRUNG TÍNH	8,752	7.5	1.9
VNM	87.2	4,888,155	-4	TIÊU CỰC	182,244	18.6	5.8
VPB	65.8	23,668,630	2	TRUNG TÍNH	161,522	14.2	2.9
VPI	33.9	1,343,725	-5	TIÊU CỰC	6,780	22.2	2.5
VRE	30.7	6,962,250	-6	TIÊU CỰC	69,760	26.1	2.3

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Thép xuất xưởng của Mỹ tăng mạnh

Các doanh nghiệp Mỹ xuất xưởng 7,95 triệu tấn thép trong tháng 3, theo số liệu của Hiệp hội Thép Mỹ có trụ sở tại Washington D.C, NWI Times đưa tin. Con số này tăng 18% so với tháng 2 (6,73 triệu tấn) và tăng 1,9% so với tháng 3 năm ngoái (7,8 triệu tấn). Khối lượng thép xuất xưởng là thước đo sức khỏe ngành vì con số này phản ánh lượng thép được bán ra cho những doanh nghiệp sản xuất ô tô, các nhà sản xuất thiết bị. Trong tháng 3, các lò hàng tôn cán nóng tăng 18%, tôn cán nguội tăng 17%, tôn mạ kẽm nhúng nóng và thép cuộn tăng 16%. Kể từ đầu năm, các nhà máy thép Mỹ xuất xưởng 22,1 triệu tấn thép, giảm 8,3% so với mức 24,1 triệu tấn thép xuất xưởng trong ba tháng đầu năm 2020. Nguyên nhân là các nhà máy ô tô, một trong những khách hàng lớn nhất của thép, phải ngừng hoạt động liên tục vì sự thiếu hụt chất bán dẫn toàn cầu và có thể sản xuất ít hơn một triệu xe trong năm nay, các nhà phân tích ngành dự đoán. Dù lượng thép xuất xưởng giảm so với cùng kỳ năm trước, giá thép vẫn ở mức cao. Cụ thể, giá thép cuộn cán nóng tăng 7% lên 1.627 USD/tấn trong tháng 5, theo trang web định giá thép Steelbenchmarker. Thép cuộn cán nguội tăng 11% lên 1.799 USD/tấn, trong khi thép tấm tiêu chuẩn tăng 1% lên 1.333 USD/tấn.

Giá vàng vọt lên cao nhất 3 tháng

Giá vàng thế giới tăng mạnh ngay sáng đầu tuần lên mức cao nhất trong vòng 3 tháng do USD yếu đi và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm, trong bối cảnh dữ liệu kinh tế Mỹ tuần trước cho thấy doanh số bán lẻ của nước này tháng 4 bất ngờ bị đình trệ. Theo đó, vàng giao ngay đầu giờ chiều nay tăng 0,6% vọt lên 1.853,5 USD/ounce, cao nhất kể từ 10/2; vàng giao tháng 6/2021 cũng tăng 0,9% lên 1.854,1 USD/ounce. Trong nước hôm nay giá vàng cũng tăng mạnh. Công ty VBĐQ Sài Gòn niêm yết giá vàng SJC ở mức 56,10 – 56,45 triệu đồng/lượng (mua - bán), tăng 180.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 80.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với đóng cửa phiên giao dịch cuối tuần trước; chênh lệch giá mua – bán hiện là 350.000 đồng/lượng. Trong khi đó, Tập đoàn DOJI niêm yết giá vàng ở mức 56,00 – 56,50 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra), tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với chốt phiên giao dịch cuối tuần; chênh lệch giá bán cao hơn giá mua là 500.000 đồng/lượng.

Cục Hàng không đề xuất bỏ trần giá vé máy bay

Để chuẩn bị cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Cục Hàng không đang dự thảo báo cáo tổng kết thi hành luật này. Nổi bật trong đó, Cục Hàng không đề xuất bỏ trần giá vé máy bay với các đường bay có sự cạnh tranh của từ ba hãng trở lên. Cụ thể, Cục Hàng không đề xuất sửa đổi Điều 116 của luật về giá dịch vụ vận chuyển hàng không theo hướng: Trường hợp đường bay có từ ba hãng hàng không tham gia khai thác trở lên, hãng hàng không được quyết định giá vé, thực hiện niêm yết giá theo quy định

Cục Hàng không nhận định, dịch vụ vận chuyển hàng không cũng như các loại hình vận tải khác là loại “hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ”. Tùy thuộc nhu cầu đi lại của khách, có mùa cao điểm, mùa thấp điểm.

Đồng thời, chuyến bay có giờ bay phù hợp sẽ được nhiều hành khách mua vé, thậm chí sẵn sàng trả giá cao để mua được vé sát giờ bay, điều kiện linh hoạt, chất lượng dịch vụ cao theo nhu cầu của khách; và ngược lại những chuyến bay muộn, bay ban đêm thường ít hành khách. Thực tế, hiện các hãng hàng không luôn xây dựng dải giá linh hoạt với nhiều mức giá, tương ứng với các điều kiện, thời điểm mua khác nhau. Thông thường, dải giá được các hãng xây dựng có khoảng 10-15 mức. Trong đó, có những mức 0 đồng, theo từng đợt khuyến mãi, giảm giá của hãng. Theo đó, Cục Hàng không cho rằng, với sự tham gia của ngày càng nhiều

hãng hàng không, thị trường vận chuyển nội địa đã có tính cạnh tranh rất cao. Việc áp dụng giá trần máy bay sẽ hạn chế việc nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ đối tượng khách sẵn sàng chi trả cao hơn mức giá trần, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ - yếu tố quan trọng trong phát triển bền vững của các hãng hàng không. Với các lý do trên, Cục Hàng không đề xuất bỏ trần giá vé máy bay với các đường bay có sự cạnh tranh của từ ba hãng trở lên.

HPG: chốt quyền chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 40%

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông báo ngày 1/6 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức 2020. Theo đó, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 5%, 1 cổ phiếu được nhận 500 đồng. Ngày thanh toán 11/6. Tổng số tiền dự chi ra khoảng 1.657 tỷ đồng. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 35%, 20 cổ phiếu được nhận 7 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm gần 1,16 tỷ cổ phiếu, vốn điều lệ Hòa Phát dự kiến tăng lên 44.726 tỷ đồng.

PTB: chốt quyền chia cổ tức và thưởng cổ phiếu tỷ lệ hơn 25%

Công ty cổ phần Phú Tài (HoSE: PTB) công bố Nghị quyết HĐQT thống nhất ngày 28/5 là ngày đăng ký cuối cùng lập doanh sách cổ đông để thực hiện trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt và thưởng cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 20%, 1 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng. Ngày thanh toán là 10/6. Đồng thời, Phú Tài đem toàn bộ lượng cổ phiếu quỹ là 2,54 triệu đơn vị, tương ứng tỷ lệ 5,51% để thưởng cho cổ đông, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận 5,51 cổ phiếu chia từ nguồn cổ phiếu quỹ.

VIC: đặt kế hoạch doanh thu tăng 54% lên 170.000 tỷ đồng

Tập đoàn Vingroup (HoSE: VIC) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2021. Trong năm nay, tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu thuần 170.000 tỷ đồng (7,4 tỷ USD) và lợi nhuận sau thuế khoảng 4.500 tỷ đồng, lần lượt tăng 54% và giảm 1% so với kết quả năm 2020. Năm nay tập đoàn sẽ phát triển theo 3 trụ cột chính là công nghệ - công nghiệp - thương mại dịch vụ. Trong đó VinFast dự kiến ra mắt 5 mẫu xe máy điện và 3 mẫu xe ô tô thông minh (VF e34, VF35 và VF36), nhằm giữ vững thị trường nội địa và đồng thời đưa VinFast bước ra thị trường quốc tế. Đối với mảng thiết bị thông minh, VinSmart sẽ phát triển các sản phẩm IoT và tính năng Infotainment cho ô tô VinFast và hệ sinh thái thông minh gồm: thành phố thông minh, nhà thông minh và dịch vụ thông minh. ới kết quả đạt được, HĐQT trình phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12,5% (cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận 125 cổ phiếu mới). Với hơn 3,38 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, tập đoàn có kế hoạch phát hành tổng cộng 422,8 triệu cổ phiếu mới. Vốn điều lệ dự kiến tăng lên thành 38.052 tỷ đồng. Nguồn vốn lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2020. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III-IV/2021. Con số trên BCTC hợp nhất tại cuối năm 2020 của Vingroup là 4.360 tỷ đồng. Như vậy, tập đoàn tư nhân lớn nhất Việt Nam đã dùng gần như toàn bộ lợi nhuận tích lũy để chia cổ tức.

VHM: trình kế hoạch lãi 35.000 tỷ đồng năm nay, tăng 24%

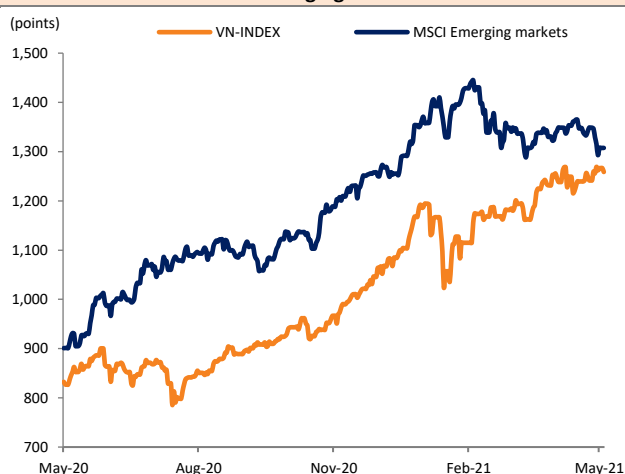
Công ty Vinhomes (HoSE: VHM) sẽ tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2021 vào ngày 4/6 tới đây. HĐQT trình cổ đông kế hoạch năm nay với doanh thu 90.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 35.000 tỷ đồng, tăng lần lượt 26% và 24% so với thực hiện năm trước. Ngoài việc tiếp tục mở bán các đại đô thị Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Smart City (Hà Nội, Vinhomes Grand Park (TP HCM) và các dự án mới, công ty sẽ tiếp tục bàn giao các căn hộ đã bàn giao tới khách hàng. Các đại dự án hiện hữu nói trên tiếp tục đóng góp lớn cho công ty trong năm 2021 cả về doanh số, doanh thu và lợi nhuận, tạo tiền đề để thị trường đón nhận tiếp các đại dự án được mở bán mới.

VRE: đặt mục tiêu lãi 2.500 tỷ đồng, không chia cổ tức năm 2020

Vincom Retail (HoSE: VRE) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2021. Mục tiêu doanh thu thuần năm nay là 9.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.500 tỷ đồng, lần lượt

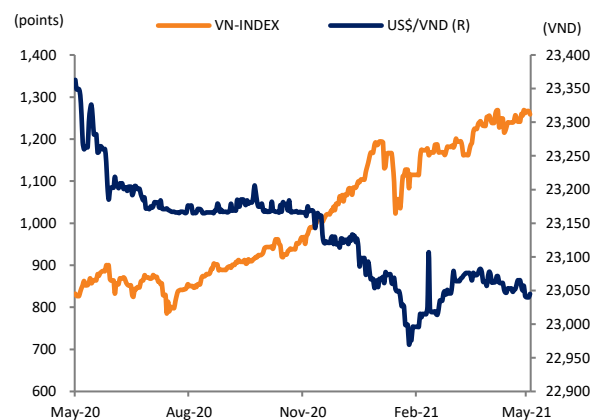
tăng 8% và 5% so với kết quả năm ngoái. Do kế hoạch tăng trưởng một con số, trên nền thấp của năm ngoái khi ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, chỉ tiêu kinh doanh này vẫn thấp hơn mức đỉnh năm 2019. Với kết quả đó, HĐQT trình cổ đông việc giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Tại cuối năm 2020, công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 7.974 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



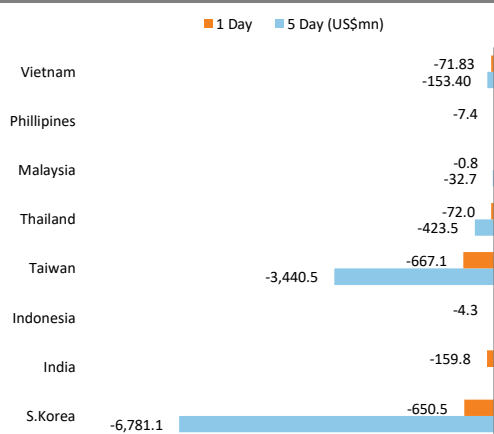
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



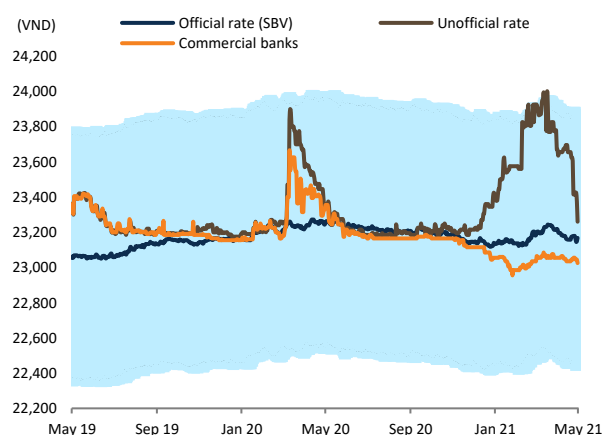
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



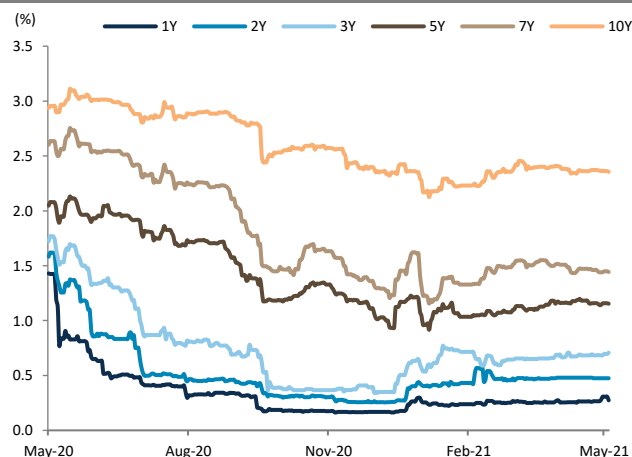
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



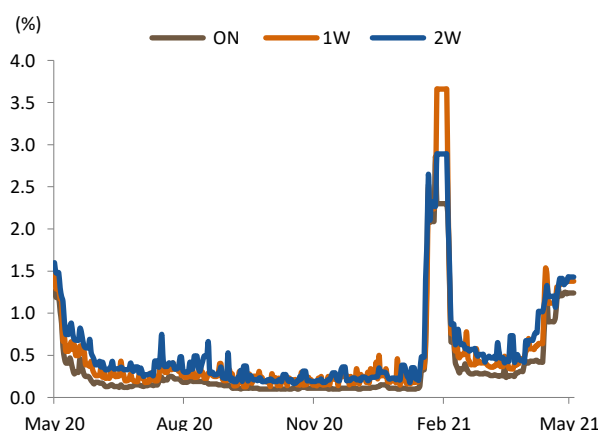
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,371.36	3,373,156		-0.6	0.1	7.4	77.2	14.4	11.8	2.6	2.2	6.6	22.6	20.0	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,800	168,120	16.7	-1.3	1.0	-0.5	8.3	17.0	12.8	1.9	1.6	70.3	32.2	12.1	14.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	54,600	40,531	27.4	-2.2	-2.7	-5.7	13.2	23.4	20.2	1.9	1.8	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	46,750	174,069	25.7	-0.5	4.4	11.3	123.7	10.2	9.3	1.7	1.5	24.6	9.8	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	85,700	67,627	49.0	1.1	-0.1	7.5	78.5	17.0	14.4	3.7	3.2	22.6	18.2	24.6	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	82,500	157,901	2.5	-1.9	-4.1	-4.1	16.4	15.6	15.0	3.0	2.8	31.0	4.2	19.3	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	31,150	49,646	17.3	-0.2	1.1	16.9	124.9	9.1	7.7	1.9	1.6	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	61,900	205,092	29.7	0.8	-1.7	13.4	216.1	10.1	8.4	2.6	2.3	59.4	19.6	27.9	26.2
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,500	20,396	31.7	-2.0	0.1	16.2	74.2	16.7	12.8	2.3	2.0	6.1	30.2	14.9	17.1
NHTMCP Quân đội	MBB VN	32,900	92,079	23.0	-0.3	-0.9	8.9	125.3	8.8	7.3	1.6	1.3	26.1	19.7	20.0	20.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	104,200	122,402	32.8	-3.6	2.6	4.1	67.8	46.6	26.1	6.5	5.2	112.2	78.3	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	141,500	67,274	49.0	-0.7	2.5	5.6	72.4	13.5	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	137,600	148,847	7.5	2.6	7.1	27.4	164.6	33.3	25.5	4.4	3.6	3.8	30.5	13.5	15.7
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	70,200	34,171	2.8	-2.5	0.4	10.4	272.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	54,000	67,166	15.8	-1.5	1.3	2.3	21.3	20.2	16.3	2.9	2.7	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,000	21,372	49.0	-0.2	0.4	3.4	51.6	17.1	13.4	3.7	3.0	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,150	28,454	3.4	-0.8	-0.4	-8.0	21.5	13.4	11.2	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,200	17,060	49.0	-1.4	-2.6	8.2	75.8	9.4	8.0	1.3	1.5	11.6	17.6	14.7	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,600	12,096	8.6	-3.0	2.9	-10.9	32.4	16.8	NA	1.4	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	35,450	22,896	45.9	0.4	2.2	4.3	154.1	15.8	14.8	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	25,950	46,805	11.9	-1.7	6.8	17.4	164.8	25.0	10.8	1.6	1.4	-16.8	132.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	47,850	167,710	22.5	-1.6	-0.5	18.3	136.3	10.8	9.3	1.9	1.6	26.4	16.4	19.0	18.4
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,900	8,575	10.8	1.8	4.8	-0.2	-0.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	32,600	33,632	30.0	2.0	4.8	17.7	82.3	8.1	6.2	1.6	1.3	18.3	30.3	23.5	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,000	356,052	23.4	-0.9	-2.1	-0.3	26.3	16.6	13.5	3.0	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,800	331,583	22.5	3.7	1.7	-0.2	40.8	10.8	9.0	2.9	2.2	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	124,000	419,421	14.6	-1.0	-6.4	-13.3	27.8	57.7	42.7	4.5	4.1	27.2	35.0	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	114,000	61,744	18.9	-3.3	-4.4	-11.6	0.0	55.2	19.5	3.6	2.9	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,200	182,244	55.0	-2.6	-6.2	-10.0	-5.6	17.1	15.9	5.3	4.9	6.8	7.9	34.3	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	65,800	161,522	22.1	-1.2	5.6	34.4	175.9	13.2	11.1	2.3	1.9	16.3	19.2	19.9	18.2
CTCP Vincom Retail	VRE VN	30,700	69,760	29.8	0.2	-3.3	-9.6	27.4	24.5	19.6	2.2	2.0	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-7.66	4,748,582	-0.6	-0.1	1.6	52.2	15.4	12.5	2.5	2.2	11.2	23.4	18.4	18.7
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,157	-0.7	-2.3	0.0	41.4	5.8	5.4	1.1	1.0	32.3	7.3	11.7	11.1
Ngân hàng	-3.21	1,545,984	-0.8	0.5	11.0	74.0	12.5	10.0	2.1	1.7	29.5	21.2	18.3	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.44	170,884	-0.9	-0.9	-1.1	78.4	5.7	4.1	0.4	0.4	3.9	36.1	5.4	6.1
Dịch vụ thương mại	0.00	4,338	-0.2	-1.2	-4.3	17.0	6.1	4.8	NA	NA	31.9	26.2	11.1	13.0
May mặc và trang sức	-0.10	41,998	-0.8	-2.4	-0.3	158.9	13.6	11.1	2.8	2.3	31.8	23.6	19.4	18.7
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	8,134	-2.0	-2.9	-11.9	22.6	9.8	3.4	NA	NA	NA	NA	3.3	8.7
Dịch vụ tài chính	-0.12	64,054	-0.7	1.3	5.2	138.7	11.6	5.3	0.4	NA	9.5	7.1	10.0	4.6
Năng lượng	-0.32	83,677	-1.4	0.2	0.3	31.2	19.8	15.0	2.5	2.3	NA	30.9	14.4	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.99	497,578	-2.2	-2.0	-5.4	20.7	23.1	16.2	4.5	3.9	43.9	30.3	21.9	23.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	888	1.1	0.6	-2.5	42.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,873	0.0	-1.2	0.5	-2.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.27	47,347	-2.1	-3.2	-4.9	13.7	20.9	18.0	1.7	1.6	12.1	15.9	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	-0.83	435,466	-0.7	-2.4	8.0	162.3	12.1	11.5	2.0	1.3	46.6	6.9	19.0	17.5
Giải trí và truyền thông	0.00	1,684	-0.5	-2.4	-6.5	-24.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.05	34,600	-1.4	-3.1	-4.2	68.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.20	1,199,940	0.6	-0.6	0.4	18.9	8.9	7.8	1.6	1.5	13.4	12.9	9.4	9.6
Bán lẻ	-0.12	75,616	0.8	-0.3	-1.8	62.7	29.4	22.2	3.1	2.7	22.5	30.5	14.5	15.1
Phần mềm và dịch vụ	0.18	71,830	-0.6	1.1	5.1	68.7	12.6	10.0	3.0	2.6	34.5	24.8	25.2	25.4
Thiết bị và phần cứng	-0.03	5,538	1.0	0.5	7.1	76.3	16.0	13.5	3.5	3.0	26.1	18.7	23.1	24.4
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,251	-1.7	2.5	11.5	382.4	14.1	11.8	3.8	3.0	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.45	158,138	2.7	5.6	-0.3	271.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.12	241,917	-1.0	-2.3	-7.4	18.7	24.1	9.6	4.3	3.5	NA	65.2	-18.5	10.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	100,800	3.7	5,913,000	3.1
NVL VN	137,600	2.6	1,447,700	1.0
HPG VN	61,900	0.8	34,004,200	0.4
SSB VN	31,450	4.0	3,145,000	0.4
OCB VN	24,800	2.7	5,978,700	0.2
FPT VN	85,700	1.1	1,744,500	0.2
TPB VN	32,600	2.0	6,851,800	0.2
GMD VN	37,500	5.0	4,562,300	0.1
HSG VN	37,500	1.9	16,108,500	0.1
SJS VN	53,800	4.9	383,500	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	87,200	-2.6	5,001,300	-1.3
MSN VN	104,200	-3.6	2,365,200	-1.2
VIC VN	124,000	-1.0	2,417,900	-1.2
GVR VN	25,350	-3.6	3,533,900	-1.0
VCB VN	96,000	-0.9	1,715,100	-0.9
GAS VN	82,500	-1.9	1,039,300	-0.8
TCB VN	47,850	-1.6	17,123,600	-0.7
BID VN	41,800	-1.3	2,992,400	-0.6
VJC VN	114,000	-3.3	485,200	-0.6
VPB VN	65,800	-1.2	36,478,300	-0.5

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.